

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13/5/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Đinh Thị Hạnh.

2/ Bà Nguyễn Thị Mến.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thảo là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 96/2021/TLST-HNGĐ, ngày 29/3/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/4/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1978; Thường trú: Số nhà 53, đường số 9, tổ 3, thôn 7, xã ĐT, huyện DL, tỉnh BT.

- Bị đơn: Anh Mang L, sinh năm 1982; Thường trú: Số nhà 53, đường số 9, tổ 3, thôn 7, xã ĐT, huyện DL, tỉnh BT.

Tại phiên tòa vắng nguyên đơn và bị đơn nhưng đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHÂN THẤY:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/3/2021, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2001 chị và anh Mang L đã tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng. Tuy nhiên mãi đến năm 2005, chị với anh L mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT. Giấy chứng nhận kết hôn số: 66, quyển số 01, ngày 23/7/2005. Trong cuộc sống chung, chị và anh L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Anh L nhậu say hay gây gỗ, thậm chí đã có lần đánh chị gây thương tích phải nhập viện. Chị đã nhiều lần nộp đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn tại Tòa án nhưng anh L vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi. Nay chị thấy đời sống hôn nhân giữa chị và anh L đã sảy ra quá nhiều mâu thuẫn, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Mang L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị với anh L có 03 người con chung tên: Trần Thị N, sinh ngày 10/10/2002; Mang Trần Vĩnh KH, sinh ngày 01/4/2009; Trần Thị S, sinh ngày 30/12/2011. Chị có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 người con chung chưa thành niên là Mang Trần Vĩnh KH và Trần Thị S. Đồng thời yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Mức cấp dưỡng là 1.000.000đ/tháng/con, cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/4/2021 và ngày 22/4/2021 có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Mang L trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Đ chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2001. Tuy nhiên đến năm 2005 anh với chị Đ mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT. Giấy chứng nhận kết hôn số: 66, quyển số 01, ngày 23/7/2005. Anh cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn tuy nhiên chỉ là lời qua tiếng lại, cãi vã nhau về những vấn đề thường ngày trong cuộc sống. Nay anh vẫn còn tình cảm, yêu thương chị Đ. Nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Đ. Trường hợp chị Đ vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn thì anh yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị Đ ly hôn với anh, anh đồng ý giao 02 người con chung tên: Mang Trần Vĩnh KH và Trần Thị S cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh đồng ý cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng/con cho đến khi cháu KH và S đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ: Anh không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh như sau: Năm 2005 bà Đ và ông Mang L đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT, giấy chứng nhận kết hôn số 66, quyền số 01/2005, đăng ký ngày 23/7/2005. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Trong quá trình chung sống, giữa bà Đ và ông L phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên là do ông L không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, thường xuyên nhậu nhẹt, chơi bời, đối xử với vợ con bạo lực, nhiều lần đánh bà phải nhập viện điều trị, không chung thủy với bà Đ, nhiều lần bà Đ đã cho ông cơ hội sửa chữa nhưng ông không chịu thay đổi chứng nào tặc đó, bản thân ông là một người chồng mà chưa làm tròn hết trách nhiệm với vợ con. Từ đó, có thể thấy rằng mối quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông L không thể hàn gắn được nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân & gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đ là có căn cứ pháp luật. Về con chung: xét thấy, bà Đ yêu cầu được nuôi hai cháu KH và S, yêu cầu ông L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi con 1 triệu/tháng/con, các cháu cũng đều có nguyện vọng ở với bà Đ. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà Đ, buộc ông L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi con 1 triệu/ tháng/con cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, căn cứ quy định tại Điều 58, 81, 82 Luật hôn nhân & gia đình 2014.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện lập ngày 16/3/2021, Tòa án xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Nguyên đơn, Bị đơn có địa chỉ và nơi cư trú rõ ràng trên địa bàn huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên các bên đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Đ và anh Mang L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng năm 2001, đến năm 2005 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện ĐL, tỉnh BT, giấy chứng nhận kết hôn số: 66, quyển số 01, ngày 23/7/2005. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, sau khi đăng ký kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh, chị bất đồng quan điểm sống, anh L thiếu sự quan tâm, chăm lo cho gia đình, vợ con. Trong quá trình tố tụng, Tòa án cũng đã tổ chức nhiều phiên hòa giải, nhằm hàn gắn cho anh chị về sống đoàn tụ với nhau, nhưng kết quả hòa giải không thành. Hiện tại anh chị đã sống ly thân một thời gian dài. Mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai còn quan tâm, chia sẻ với ai. Chị Đ xác định không còn tình cảm yêu thương gì với anh L nữa, chị nhất định yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị Đ với anh L đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cho nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Đ là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung: Mang Trần Vĩnh KH, sinh ngày 01/4/2009 và cháu Trần Thị S, sinh ngày 30/12/2011. Anh Mang L cũng đồng ý giao quyền trực tiếp nuôi dưỡng những người con chung cho chị Đ. Các cháu Vĩnh KH và S cũng đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do vậy HĐXX thấy cần giao cho chị Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung: Mang Trần Vĩnh KH, sinh ngày 01/4/2009 và

cháu Trần Thị S, sinh ngày 30/12/2011 là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

[6] Về yêu cầu cấp dưỡng: Chị Đ yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Mức cấp dưỡng là 1.000.000đ/tháng, cho 01 người con. Tại biên hòa giải ngày 22/4/2021, anh L đồng ý với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Đ là 1.000.000đ/tháng/con. Hội đồng xét xử thấy cần ghi nhận sự thỏa thuận này của các bên đương sự.

Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con theo quy định của pháp luật mà chị Đ và các thành viên khác trong gia đình không ai được quyền cản trở.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ và anh L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến trong bản án này.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đ là người khởi kiện ly hôn, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Anh L phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Về áp dụng án lệ: Vụ án ly hôn giữa chị Trần Thị Đ và anh Mang L là vụ án Hôn nhân và Gia đình. Theo đơn khởi kiện của chị Đ thì Tòa án xem xét giải quyết quan hệ ly hôn theo quy định của luật Hôn nhân và Gia đình. Nghiên cứu tất cả án lệ do Tòa án nhân dân tối cao công bố, không có vụ nào tương tự như vụ án đang được xét xử. Vì vậy, HĐXX không áp dụng án lệ mà chỉ căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

[10] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Đ.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố Trần Thị Đ ly hôn Mang L

2. Về con chung:

Giao cho chị Trần Thị Đ được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục những người con chung: Mang Trần Vĩnh KH, sinh ngày 01/4/2009 và Trần Thị S, sinh ngày 30/12/2011.

Buộc anh Mang L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Trần Thị Đ. Mức cấp dưỡng là 1.000.000đ/tháng/con. Cấp dưỡng hàng tháng, kể từ tháng 6/2021 cho đến khi các con đều đủ 18 tuổi. Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, chị Đ và các thành viên trong gia đình không được cản trở.

Kể từ ngày chị Trần Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền mà anh Mang L có nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên, thì hàng tháng anh L còn phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án, theo quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

Chị Trần Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001548, ngày 29/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Mang L phải chịu 300.000đ án phí DSST về cấp dưỡng nuôi con, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

4. Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa. Cho nên đều được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Đức Tín;
- Lưu.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Đức